TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số:*14/DS-ST.*
Ngày: 09/8/2018
V/v "Tranh chấp nợ hụi"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thanh Điền**
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Dương Tấn Đấu**
2. Ông **Nguyễn Phước Lộc**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Đình Toàn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Trung** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc tỉnh Kiên Giang.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2018/TLST-DS, ngày 07 tháng 2 năm 2018 về *"**Tranh chấp nợ hụi**"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXX- ST, ngày 03 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2018/QĐST- DS, ngày 27/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1957

Địa chỉ: T8, kp 3, thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị K,** sinh năm 1974

Địa chỉ: Đường PĐP, t3, kp 1, thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Châu Thanh S**, sinh năm 1974. (Chồng bà K)

Địa chỉ: Đường PĐP, t3, kp 1, thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Bà **Huỳnh Thị K**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Đường PĐP, t3, kp 1, thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

(Theo văn bản quyền ngày 21/7/2018 tại VPCCS2- Kiên Giang.

- Ông **Nguyễn H**, sinh năm 1953. (Chồng bà M)

Địa chỉ: T8, kp 3, thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 03/01/2018, tại biên bản hòa giải ngày 20/6/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:***

Năm 2012 bà M có tham gia rất nhiều dây hụi do bà Huỳnh Thị K làm chủ hụi, vì thời gian đã lâu nên bà M không nhớ là tham gia bao nhiêu dây hụi chỉ nhớ là số tiền mỗi dây hụi từ 500.000 đồng; dây hụi 1.000.0000 đồng; dây hụi 2.000.000 đồng; dây hụi 3.000.000 đồng; dây hụi 5.000.000 đồng và còn một số dây hụi bà M mua lại của bà K, số lượng người chơi mỗi dây hụi khoảng trên 20 người. Vào năm 2014, bà K tuyên bố xạ hụi và bỏ trốn khỏi địa phương. Bà M có làm đơn yêu cầu Công an giải quyết. Khi bà K trở về thì Cơ quan điều tra công an huyện Phú Quốc mời bà M và bà K lên làm việc, tại đây bà K viết tờ cam kết đề ngày 25/4/2014 và giấy nhận nợ đề ngày 15/8/2014 cho bà M. Nội dung của giấy nhận nợ là bà K thừa nhận có nợ bà M số tiền hụi là 226.940.000 đồng và nội dung tờ cam kết là trong vòng 01 tháng sẽ trả hết nợ cho bà M nhưng đến nay bà K không trả.

Nay bà M yêu cầu vợ chồng bà Huỳnh Thị K và ông Châu Thanh S phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà M số tiền nợ hụi gốc là 226.940.000 đồng và vợ chồng bà M tạo điều kiện cho bà K và ông S trả cho vợ chồng bà M dứt điểm số tiền nợ trong khoảng thời gian từ ngày 09/8/2018 đến ngày 09/8/2019 và không yêu cầu tính lãi suất.

**** Bị đơn bà Huỳnh Thị K trình bày:***

Từ năm 2012 đến năm 2014, bà K làm chủ hụi và bà M là người tham gia chơi hụi do bà K làm chủ, bà M tham gia rất nhiều dây hụi như bà M trình bày: bao gồm dây hụi 500.000 đồng; dây hụi 2.000.000 đồng; dây hụi 3.000.000 đồng… vì thời gian qua đã lâu nên bà K không nhớ chính xác. Đến năm 2014, do các hụi viên khác hốt hụi xong rồi không đóng (hụi chết) cho bà K, cùng thời gian này gia đình bà K gặp rất nhiều khó khăn số tiền bà M đưa cho bà K. Sau một thời gian, bà không có khả năng để trả tiền cho các hụi viên chưa hốt hụi, bà K tuyên bố xạ hụi, vì quá lo lắng nên bà K có bỏ đi khỏi địa phương vài ngày. Sau khi bà K trở về địa phương thì Cơ quan điều tra công an huyện PQ có mời bà K và bà M lên làm việc thì tại đây bà K có viết tờ cam kết đề ngày 25/4/2014 nội dung là trong 01 tháng bà K sẽ trả hết số tiền nợ cho bà M, sau đó vì hoàn cảnh bà K gặp nhiều khó khăn chưa có tiền trả cho vợ chồng bà M đến ngày 15/8/2014 bà K tiếp

tục viết giấy nhận nợ và bà K thừa nhận có nợ bà M số tiền nợ hụi gốc là 226.940.000 đồng.

Nay theo yêu cầu của bà M thì bà K thừa nhận có nợ tiền hụi của bà M là 226.940.000 đồng nhưng hoàn cảnh gia đình bà K rất khó khăn nên bà K xin được tự nguyện trả dần cho bà M mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ 226.940.000 đồng. Bà K không thống nhất theo yêu cầu của bà M là trả hết số tiền nợ trên trong vòng 1 năm, tức là từ ngày 09/8/2018 đến ngày 09/8/2019.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Thanh S là bà Huỳnh Thị K có ý kiến:

Ông Châu Thanh S không có ý kiến trình bày. Tuy nhiên tại phiên tòa bà K xác định trước khi đến phiên tòa xét xử bà K đã trao đổi toàn bộ nội dung khởi kiện của bà M cho chồng mình là ông S nghe và được sự thống nhất của ông S là sẽ trả cho vợ chồng bà M số tiền nợ do chơi hụi là 226.940.000 đồng, hình thức trả nợ là trả dần hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ không có cách thức trả nợ nào khác. Đồng thời ông S có văn bản ủy quyền cho bà K quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án. Quyết định của bà K là quyết định của ông S.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H trình bày:***

Ông H thống nhất theo ý kiến của bà M đã trình bày nêu trên, ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PQ có ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán là chấp hành đúng pháp luật, vụ án được xác định đúng quan hệ pháp luật và đúng người tham gia tố tụng; Đối với hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn đúng quy định pháp luật. Đối với ông Châu Thanh S là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có lập văn bản ủy quyền cho vợ là bà Huỳnh Thị K. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 228 BLTTDS năm 2015 xét xử vắng mặt ông S.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện PQ nhận thấy theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị M yêu cầu giải quyết buộc bà K và ông S trả số tiền nợ hụi là

226.940.000 đồng không yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ, bởi tại phiên tòa hôm nay bà K vẫn thừa nhận có nợ bà M số tiền nợ hụi là 226.940.000 đồng nhưng vì hoàn cảnh gia đình bà K đang gặp rất nhiều khó khăn bà K không có tiền trả một lần và xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ. Đối với ông Châu Thanh S là chồng của bà K thì khi bà K tham gia làm chủ hụi cũng như khi bị xạ hụi thì ông S có biết bà K sử dụng tiền đóng hụi của các hụi viên trong đó có bà M, một phần dùng để trang trải cuộc sống gia đình. Hơn nữa ông S và bà K hiện nay đang là vợ chồng hợp pháp và việc bà K cho rằng bị các hụi viên khác giật hụi nên mới bị xạ hụi dẫn đến không có tiền để trả cho bà M vì vậy cần buộc ông Châu Thanh S phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà K trả nợ cho bà M là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M là phù hợp với quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Châu Thanh S là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được tòa án tống đạt hợp lệ và đầy đủ các thủ tục tố tụng tại phiên tòa hôm nay ông S vắng mặt và có văn bản ủy quyền cho vợ là bà Huỳnh Thị K. Căn cứ vào Điều 228 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt ông Châu Thanh S.

[2] Về nội dung vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Thị M với bị đơn bà Huỳnh Thị K, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H và ông Châu Thanh S là tranh chấp hợp đồng dân sự nợ hụi. Quy định pháp luật để giải quyết trong vụ án này tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và nghị định chính phủ số 144/2006/NĐ- CP, ngày 27/11/2006 về họ, hụi, biêu, phường.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà K và ông S trả cho vợ chồng bà M số tiền nợ hụi là 226.940.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Thời gian trả dứt điểm số tiền trên từ ngày 09/8/2018 đến ngày 09/8/2019.

Tại phiên tòa hôm nay bà K thừa nhận có nợ bà M số tiền hụi 226.940.000 đồng nhưng vì hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên xin được trả dần mỗi

tháng 2.000.0000 đồng cho đến khi trả hết số nợ nói trên và không có cách thức trả nợ nào khác.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà M về việc yêu cầu vợ chồng bà Huỳnh Thị K và ông Châu Thanh S trả số tiền nợ hụi là 226.940.000 đồng không yêu cầu tính lãi suất, thời gian trả dứt điểm số tiền trên từ ngày 09/8/2018 đến ngày 09/8/2019 là có căn cứ chấp nhận và ghi nhận sự tự nguyện của bà M về việc tạo điều kiện về mặt thời gian cho bà K, ông S không phải trả nợ ngay, một lần hết số tiền nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với việc bà M yêu cầu ông S phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà K là có cơ sở, bởi lẽ việc bà K làm chủ hụi và sau khi xạ hụi thì ông S có biết, số tiền bà M đóng hụi cho bà K thì bà K có sử dụng vào việc trang trải cuộc sống gia đình (Bút lục 24 -25), ông S và bà K chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn vì vậy cần buộc ông S phải có trách nhiệm liên đới cùng bà K trả tiền nợ hụi cho bà M là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh Thị K và ông Châu Thanh S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền nợ hụi là 226.940.000 đồng. Như vậy án phí bà K và ông S phải chịu là 226.940.000 đồng x 5% = 11.347.000 đồng.

Bà Trần Thị M, ông Nguyễn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, Điều 147, Điều 228, 266, 271 , khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật HNGĐ 2014;

- Áp dụng nghị định số 144/2006/NĐ-CP, Ngày 27/11/2006 của chính phủ quy định về Hụi, họ, biêu phường;

- Áp dụng Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M đối với bà Huỳnh Thị K và ông Châu Thanh S.

2. Buộc bà Huỳnh Thị K và ông Châu Thanh S phải trả cho vợ chồng bà Trần Thị M và ông Nguyễn H số tiền là 226.940.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện việc ông H, bà M tạo điều kiện đối với ông S, bà K trả tiền nợ trong khoảng thời

gian từ ngày 09/8/2018 đến ngày 09/8/2019 dứt số nợ và không tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn thi hành án bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

Bà Huỳnh Thị K và ông Châu Thanh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.347.000 đồng.

Bà Trần Thị M được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.673.500 đồng theo biên lai thu số 0002920, ngày 07/2/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông S vắng mặt nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Kiên Giang;
-VKSND huyện Phú Quốc;
-THA huyện Phú Quốc;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Thanh Điền